

TOÁ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 35/2024/HS-PT

Ngày: 14/3/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thanh.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:**
Ông Lê Công Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXPT-HS ngày 15/02/2024 của TAND tỉnh Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Trọng T; Sinh ngày 02 tháng 10 năm 1986, tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi thường trú: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố V, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kỹ sư; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: **Nguyễn Trọng T1** và bà: **Nguyễn Thị T2**; Vợ: **Lê Thị T3**; Có 02 con; lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án HSST số 118/2022 ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, Bản án HSPT số 06/2023 ngày 13/01/2023 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội đánh bạc. Hiện bị cáo đang được hoãn thi hành án.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh: **Lê Đỗ Chí T4**. Sinh năm 1980.

Trú tại: T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Trọng L - Sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Lê Anh V - Sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Khu L, khu 7 tầng, thuộc TDP V, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Võ Sỹ T5 - Sinh năm 1988 (vắng mặt)

Trú tại: Phố T, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh H – Chức vụ: P Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy P – Chuyên viên xử lý nợ - T6;

Trú tại: P, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

theo văn bản ủy quyền số 9770-01/2020/QĐ-AMC, ngày 01/8/2020 và văn bản ủy quyền số 1371/2022/QĐ-AMC, ngày 10/8/2022 (

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 10 năm 2020, do có nhu cầu mua xe ô tô sử dụng và đang nợ xấu ngân hàng nên Nguyễn Trọng T (sinh năm 1986, trú tại khu L Lọc hoá dầu N tầng thuộc tổ dân phố V, phường X, thị xã N) có nhờ em trai là Nguyễn Trọng L (sinh năm 1991, trú tại phố T, phường Q, thành phố T) đứng tên mua xe ô tô nhãn hiệu Vinfast LuxA đăng ký biển kiểm soát 36A- 549.89, theo hình thức mua trả góp (thế chấp chiếc xe) tại ngân hàng T6 chi nhánh thành phố T theo hợp đồng số THA202077024616 ngày 09/10/2020, L là người đứng tên đăng ký xe ô tô. Sau khi mua và làm thủ tục đăng ký xe, L giao xe cho T và 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 36A-549.89 (bản sao y chám dấu đỏ của ngân hàng T6). Hàng tháng T chuyển tiền cho L để thanh toán cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp. Số tiền dư nợ đến tháng 11 năm 2021 là 668.795.569 đồng.

Khoảng tháng 12 năm 2020, T sử dụng mạng xã hội Facebook nhắn tin vào tài khoản có tên “Tuấn M” đặt làm giả 02 đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 36A-549.89 mang tên Nguyễn Trọng T với giá 1.500.000 đồng.

Năm 2020, T có vay của anh Lê Đỗ Chí T4 (sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố P, phường H, thị xã N, Thanh Hóa), là đồng nghiệp cùng công ty với T số

tiền 300.000.000 đồng. Đến đầu năm 2021, T chưa trả được nợ cho anh T4 và bị anh T4 nhiều lần thúc ép trả nợ nên T và T4 thống nhất ký giấy bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 36A- 549.89 với giá 800.000.000 đồng, tiền đặt cọc mua xe là 300.000.000 đồng để khấu trừ vào số tiền T nợ anh T4 trước đó. Đến ngày 08/02/2021, do T4 bận nên nhờ em là Lê Anh V (SN 1982, trú tại khu L Lọc hoá dầu N tầng thuộc tổ dân phố V, phường X, thị xã N, Thanh Hóa) đứng tên ký giấy mua bán xe với T trên cơ sở thỏa thuận tiền đặt cọc và trả nợ giữa T4 và T nêu trên. Sau đó, V đưa lại cho T4 giấy bán xe và giấy đăng ký xe giả do T giao.

Tiếp đó đến ngày 11/5/2021, T tiếp tục sử dụng thông tin giấy đăng ký xe giả trên ký hợp đồng bán xe ô tô cho T4 theo Hợp đồng công chứng số 637 của Văn phòng C1, có địa chỉ tại tổ dân phố H, phường H, thị xã N. Tuy nhiên giá mua bán xe ghi trên hợp đồng chỉ có 100.000.000 đồng (BL 92,93).

Sau khi ký kết hợp đồng mua bán xe ô tô, anh T4 nhiều lần thúc giục T giao xe nhưng T không thực hiện, anh T4 đi tìm hiểu thì được biết chiếc xe ô tô T bán cho mình hiện đang thế chấp tại ngân hàng nên yêu cầu T viết giấy nhận nợ; ngày 10/6/2021, T viết cho anh T4 01 giấy nhận nợ ghi số tiền 330.000.000 đồng và trong khoảng thời gian từ ngày 12/8/2021 đến ngày 09/11/2021, T đã trả nợ cho anh T4 03 lần, tổng cộng 100.000.000 đồng. Sau đó, không thấy T trả nợ tiếp nên anh T4 đã làm đơn tố giác hành vi của T đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N, đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra giấy đăng ký xe ô tô giả nêu trên (BL 50-56).

Đối với giấy đăng ký xe ô tô giả còn lại, T khai để cốp xe khi tham gia giao thông, sau đó T cho Võ Sỹ T5 (sinh năm 1988, trú tại phố T, phường Q, thành phố T) mượn xe ô tô sử dụng để đi lại kèm theo giấy tờ để trong cốp xe. Tuy nhiên, T không nói cho T5 biết giấy đăng ký xe là giả (BL 283). Đến ngày 22/11/2021, trong quá trình điều tra vụ án đánh bạc, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe ô tô, giấy đăng ký xe ô tô giả và các giấy tờ của xe ô tô trên tại chỗ ở của T5 ở phường Q, thành phố T (BL 101, 102).

Tại bản kết luận giám định số 240/PC09 ngày 31/12/2021 của Phòng K1 Công an tỉnh T kết luận:

“02 (hai) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 095176 gửi giám định có:

- Phôi in: Không đúng mẫu.

- Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung “Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T” không phải là hình dấu đóng trực tiếp.

- Chữ ký đứng tên “Đại tá Lê Văn C” so với chữ ký cùng tên trên mẫu so sánh không phải là do cùng một người ký ra”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ, niêm phong và trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ C2 giám định đối với 02 file ghi âm cuộc trò chuyện giữa T và T4 có nội dung liên quan đến vay nợ tiền.

Tại bản kết luận giám định số 4685/KL-KTHS ngày 19/10/2022 của **V3 Bộ C2** kết luận:

- Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file ghi âm mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người đàn ông (Ký hiệu: Tuyển trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong các file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của người đàn ông được gọi là: “anh **T4**” trong file ghi âm mẫu so sánh: FILE_20220701_155659_Bản ghi mới 8.m4a là cùng một người.

- Tiếng nói của người đàn ông (Ký hiệu: Tuấn trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong các file ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của người đàn ông được gọi là: “anh **T**” trong file ghi âm mẫu so sánh: FILE_20220703_204130_Bản ghi mới 9.m4a là cùng một người.

- Nội dung các cuộc nói chuyện trong file ghi âm mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.

Kèm theo kết luận giám định: 01 Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định (gồm 10 trang giấy khổ A4).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 166/KLĐGTS ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **UBND thị xã N**, kết luận: 01 xe ô tô BKS:36A-549.89, nhãn hiệu Vinfast loại Lux A bản tiêu chuẩn, số máy: 50002VF20SED, số khung: 1RSFLV004541, mua mới từ 10/2020 (theo đăng ký lần đầu) xe hoạt động bình thường có giá trị còn lại tại thời điểm 08/02/2021 là: 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, **T** khai nhận hành vi làm và sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả như đã nêu trên.

Đối với **Võ Sỹ T5**, quá trình điều tra xác định khi **T** cho mượn xe ô tô và giấy tờ xe, trong đó có giấy đăng ký xe ô tô giả sử dụng để tham gia giao thông, **T5** không biết đây là giấy tờ giả nên hành vi của **T5** không phạm tội.

Đối với chị **Lê Thị T3**, vợ của **T** có hành vi tham gia ký hợp đồng bán xe ô tô ngày 11/5/2021 cùng với **T**. Tuy nhiên, chị **T3** không biết việc **T** làm và sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để bán xe nên hành vi của chị **T3** cũng không phạm tội.

Đối với hành vi của **Nguyễn Trọng T** sử dụng giấy đăng ký xe ô tô giả để ký kết giấy bán xe, nhận tiền cọc và hợp đồng mua bán xe ô tô với **Lê Văn V1** và **Lê Đỗ Chí T4**, xét thấy việc ký kết các hợp đồng này là để trừ vào khoản tiền 300.000.000 đồng **T** nợ **T4** trước đó, chứ thực tế **T** không nhận được tiền hoặc tài sản gì từ giao dịch bán xe. Sau khi bị anh **T** phát hiện, yêu cầu **T** viết lại giấy nhận nợ, **T** đã viết giấy nhận nợ, cam kết trả nợ và thực tế sau đó **T** đã trả cho anh **T4** 100.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định **T** không có ý thức chiếm đoạt tiền

của anh T4, vì vậy hành vi của T không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Đối với người sử dụng tài khoản Facebook “Tuấn M” đã làm giả 02 giấy đăng ký xe cho T, quá trình điều tra T khai đã xóa phần tin nhắn đặt làm giả đăng ký xe, đồng thời không biết danh tính, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

Đối với Công chứng viên Lê Duy V2 đã có hành vi công chứng hợp đồng bán xe giữa T và T4 ngày 11/5/2021, do Công chứng viên không biết đăng ký xe ô tô là giả nên không có căn cứ để xử lý.

Về dân sự: Anh Lê Đỗ Chí T4 đề nghị Nguyễn Trọng T hoàn trả số tiền còn nợ là 230.000.000 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần K(T6) chi nhánh T và chủ xe ô tô BKS 36A - 549.89 là Nguyễn Trọng L thống nhất đề nghị giao chiếc xe ô tô cho Ngân hàng để các bên thực hiện hợp đồng mua trả góp và hợp đồng thế chấp xe đã ký kết trước đó.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ, tạm giữ các vật chứng, đồ vật, tài liệu sau:

- Thu giữ tại chỗ ở của Võ Sỹ T5 01 xe ô tô BKS 36A- 549.89, nhãn hiệu Vinfast LuxA, Quá trình điều tra, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã giao trả chiếc xe ô tô trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K(T6) chi nhánh T quản lý theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Trọng L.

- Thu giữ của Lê Đỗ Chí T4 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, lắp sim 0946.469.912. Quá trình điều tra, xét thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T4 là chủ sở hữu tài sản.

Thu giữ của Lê Đỗ Chí T4 và Võ Sỹ T5 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả ghi BKS 36A-549.89, có số 095176 mang tên Nguyễn Trọng T.

Hiện các tài liệu này được đưa vào hồ sơ vụ án.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Galaxy S20 Ultra lắp sim 0888.333.887 và sim số 0788.442.888 mà Nguyễn Trọng T sử dụng để liên lạc khi sử dụng giấy tờ giả vào các mục đích nêu trên, là vật chứng trong vụ án đánh bạc trước đó, hiện đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 30/11/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã quyết định:

1. Tuyên bố: Nguyễn Trọng T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”

2. Căn cứ: khoản 1, 4 Điều 341 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Trọng T** 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp với 04 năm tù tại bản án HSPT số 06/2023 ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc **Nguyễn Trọng T** phải chấp hành hình phạt chung 05 năm 6 tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 22/11/2021 đến ngày 22/01/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

*Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 20 triệu đồng đối với bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 13/12/2023 bị cáo **Nguyễn Trọng T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về trình tự tố tụng: Bị cáo không rút đơn kháng cáo, được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 351 BLHS xử vắng mặt bị cáo;

Thư ký, HĐXX đã tiến hành đúng theo trình tự do Luật tố tụng hình sự quy định;

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình các tài liệu mới tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX giảm cho bị cáo từ 01 đến 03 tháng tù;

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo **Nguyễn Trọng T** được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Trọng T** làm trong hạn luật định, tại phiên tòa bị cáo vắng mặt không có lý do và được xác định là đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bị cáo không rút kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm;

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo và quyết định của tòa án sơ thẩm: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX phúc thẩm đủ căn cứ để thấy rằng: Vào khoảng tháng 12 năm 2020, **Nguyễn Trọng T** đã có hành vi cung cấp thông tin cá nhân cho một đối tượng không quen biết trên mạng xã hội Facebook, đặt làm giả 02 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 36A-549.89, có số 095176 mang tên **Nguyễn Trọng T** sau đó sử dụng để ký kết hợp đồng đặt cọc và hợp đồng mua bán xe ô tô với anh **Lê Văn V1** và anh **Lê Đỗ Chí T4**.

Hành vi trên của bị cáo đã bị TA cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức độ phạm tội của hành vi bị cáo gây ra, cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù là thỏa đáng;

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm các tài liệu mới: Bố bị cáo là ông **Nguyễn Trọng T1** là thương binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Huân chương chiến công hạng 3, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận đề nghị của **VKS ND Tỉnh T**, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: giảm nhẹ cho bị cáo 1 phần hình phạt;

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự;

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 122/HSST/2023 ngày 30/11/2023 của TAND Thị xã Nghi Sơn như sau:

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Trọng T** phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”

Áp dụng: Khoản 1, khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Trọng T** 15 (mười lăm) tháng tù. Tổng hợp với 04 năm tù tại bản án HSPT số 06/2023 ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, buộc **Nguyễn Trọng T** phải chấp hành hình phạt chung 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 22/11/2021 đến ngày 22/01/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án hoặc tự nguyện thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Trọng T** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P7);
- TAND, VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Bị cáo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Thanh